**BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG: ……** **Mẫu số 01-BC/THC**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI**

Ngày báo cáo:...../...../.....

Tỷ giá quy đổi: .....VND/USD (theo tỷ giá lập Báo cáo tài chính năm)

| **Tài sản** | **Chỉ tiêu số lượng** | | **Chỉ tiêu diện tích** | **Chỉ tiêu nguyên giá** *(nghìn đồng)* | | | **Chỉ tiêu giá trị còn lại** *(nghìn đồng)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **Tổng cộng** | **Trong đó:** | | |
| | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | *($m^2$)* | | **Ngân sách** | **Nguồn khác** | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1. Đất | *khuôn viên* | | | | | | |
| 2. Nhà | *cái* | | | | | | |
| 3. Vật kiến trúc | *cái* | | | | | | |
| 4. Xe ô tô | *cái* | | | | | | |
| 5. Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô) | *cái* | | | | | | |
| 6. Máy móc, thiết bị là TSCĐ | *tài sản* | *(*)* | | | | | |
| 7. Cây lâu năm, súc vật làm việc là TSCĐ | *cây/con* | | | | | | |
| 8. TSCĐ hữu hình khác | *tài sản* | *(**)* | | | | | |
| 9. TSCĐ vô hình | *tài sản* | *(***)* | | | | | |
| **Tổng cộng:** | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- TSCĐ: Viết tắt của tài sản cố định

- (*): Là tổng số lượng máy móc, thiết bị đủ điều kiện là TSCĐ; ví dụ: Có 6 ti vi và 8 máy điều hòa nhiệt độ thì nhập là 14 (tài sản).

- (**), (***) xác định tổng số lượng TSCĐ tương tự như (*).

- Diện tích nhà: Là tổng diện tích sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà.

| | |
|---|---|
| **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** | *……., ngày…. tháng …… năm ……* |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |
| | *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |